

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁI BÈ
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **134/2023/DS-ST**

Ngày: 24/7/2023

V/v tranh chấp: “Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**

*** Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Hồ Văn Khỏe**

- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Tống Văn Tư**

2. Ông **Trần Trung Nhân**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Kim Liêu**, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè.

Ngày **24** tháng **7** năm **2023** tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số **106/2023/TLST-DS** ngày **06/3/2023** về việc tranh chấp: “Hợp đồng vay tài sản”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số **106/2023/QĐXXST-DS** ngày **05/7/2023** giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà **Lê Thị Diễm T**, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Số 398, Tổ A, Khu B, thị trấn C, huyện C, tỉnh T.

*** Bị đơn:** 1/ Ông **Đinh D**, sinh năm 1972.

2/ Bà **Ngô Huỳnh H N**, sinh năm 1978.

Cùng địa chỉ: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh T.

Cùng ủy quyền: Chị **Nguyễn Thị Mỹ H**, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Ấp M, xã A, huyện C, tỉnh T.

(Văn bản ủy quyền ngày 13/4/2023)

(Bà T, chị H có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 20/02/2023 các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê Thị Diễm T trình bày:

Ngày 10/01/2023 bà T có cho vợ chồng ông D và bà N vay số tiền 6.106.000.000 đồng, thời hạn vay là 60 ngày từ ngày 10/01/2023 đến ngày 10/03/2023, lãi thỏa thuận là 1,5%/tháng, khi vay có đưa thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản chính thửa đất số 266, tờ bản đồ số 15, diện tích 192,5m², tọa lạc tại do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 28/3/2022 cho ông Đinh D và bà Ngô Huỳnh H N đứng tên. Số tiền này bà T trực tiếp giao tiền mặt cho ông D và bà N.

Ngày 16/01/2023 bà T cho vợ vay tiếp số tiền 2.000.000.000 đồng, thời hạn vay là 10 ngày, tính từ ngày 16/01/2023 đến ngày 25/01/2023, lãi thỏa thuận là 1,5%/tháng, khi vay có đưa thế chấp 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản chính là thửa đất số 197, tờ bản đồ số 26, diện tích 775m², tọa lạc tại ấp M, xã M, huyện C, tỉnh T, do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 25/01/2017 cho ông Đinh D đại diện hộ đứng tên và thửa đất số 05, tờ bản đồ số 25, diện tích 2.081,6m² tọa lạc tại ấp M, xã M, huyện C, tỉnh T, do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 25/01/2017 cho ông Đinh D đứng tên (do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Cái Bè xác nhận ngày 26/7/2017). Số tiền này bà T trực tiếp giao tiền mặt cho ông D và bà N.

Hai bên thỏa thuận trả lãi hàng tháng đối với số nợ theo biên nhận ngày 10/01/2023 nhưng vợ chồng ông D, bà N không trả từ đầu tháng 02/2023 cho đến nay, hai bên thỏa thuận nếu ông D, bà N không trả lãi thì phải có nghĩa vụ trả lại toàn bộ số tiền vốn đã vay. Còn đối với số tiền vay theo biên nhận ngày 16/01/2023 đã đến hạn trả nợ ngày 25/01/2023 nhưng ông D, bà N không trả kéo dài đến nay.

Nay bà T yêu cầu vợ chồng ông D, bà N có nghĩa vụ liên đới trả cho bà T số tiền vay tổng cộng là 8.106.000.000 đồng và lãi chậm trả là 1,5%/tháng tính từ ngày nợ 16/01/2023 trên số tiền 8.106.000.000 đồng cho đến ngày xét xử vụ án, trả 01 lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật. Sau khi ông D, bà N trả xong số nợ, thì bà T sẽ trả lại bản chính 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông D, bà N.

* Tại bản tự khai ngày 13/4/2023 các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị Nguyễn Thị Mỹ H là đại diện ủy quyền bị đơn ông Đinh D và bà Ngô Huỳnh H N trình bày:

Bị đơn thừa nhận có vay của bà T số tiền 6.106.000.000 đồng theo “biên nhận nợ về việc thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 10/01/2023”. Sau đó, ngày 16/01/2023 bị đơn tiếp tục thỏa thuận vay của nguyên đơn số tiền 2.000.000.000 đồng và đã ký vào “biên nhận nợ về việc thế chấp quyền sử dụng đất”. Tuy nhiên, bà T vẫn chưa chuyển số tiền vay này cho ông D và bà N.

Nay ông D và bà N chỉ đồng ý trả cho bà T số tiền vay 6.106.000.000 đồng và lãi 1,5%/ tháng theo yêu cầu bà T; Không đồng ý trả số tiền 2.000.000.000 đồng và lãi phát sinh trên số tiền này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về nội dung: Nguyên đơn bà T yêu cầu vợ chồng ông D và bà N có nghĩa vụ liên đới trả 02 khoản vay với số tiền tổng cộng là 8.106.000.000 đồng và lãi 1,5%/tháng tính từ ngày 16/01/2023 cho đến ngày xét xử, trả 01 lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật. Bà T tự nguyện trả lại bản chính 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông D và bà N sau khi trả xong nợ. Bị đơn ông D và bà N chỉ đồng ý trả cho bà T 6.106.000.000 đồng và lãi phát sinh từ số tiền này theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không đồng ý trả số tiền 2.000.000.000 đồng và lãi phát sinh trên số tiền này.

[2] Xét, đối với biên nhận nợ ngày 10/01/2023 số tiền vay 6.106.000.000 đồng thì hai bên thống nhất, ông D và bà N đồng ý hoàn trả số tiền này cho bà T nên lời thừa nhận nợ của bị đơn ông D và bà N đây là tình tiết không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Còn đối với biên nhận nợ ngày 16/01/2023 số tiền vay 2.000.000.000 đồng thì ông D và bà N không thừa nhận và không đồng ý trả cho rằng số tiền này bà T chưa chuyển tiền qua là không có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ, qua xem xét toàn bộ nội dung biên nhận nợ ngày 16/01/2023 thể hiện vợ chồng ông Đinh D và bà Ngô Huỳnh H N có vay của bà T số tiền 2.000.000.000 đồng có thể chấp bản chính 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà T để đảm bảo số tiền vay này có ký tên và ghi rõ họ và tên.

[3] Mặc khác, nếu như ông D và bà N chưa nhận tiền thì không lý do gì phải ký tên vào biên nhận nợ và đưa 02 bản chính giấy đất cho bà T. Tại tòa bà T xác định 02 lần vay bà T giao tiền mặt cho vợ chồng ông D và bà N. Còn chị H đại diện uỷ quyền của ông D và bà N xác định lần vay ngày 10/01/2023 số tiền 6.106.000.000 đồng thì bà T giao tiền mặt cho ông D và bà N, còn đối với số tiền 2.000.000.000 đồng thì chuyển khoản là không có cơ sở vì trong toàn bộ nội dung biên nhận nợ ngày 16/01/2023 thì không có câu chữ nào ghi giao tiền bằng hình thức chuyển khoản qua số tài khoản nào. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông D và bà N không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh chưa nhận số tiền 2.000.000.000 đồng theo biên nhận nợ ngày 16/01/2023. Do đó, có căn cứ xác định vợ chồng ông Đinh D và bà Ngô Huỳnh H N có vay của bà T 02 lần tiền chưa trả, nên buộc ông D và bà N có nghĩa vụ liên đới trả cho bà T số tiền vay 02 biên nhận 8.106.000.000 đồng là hoàn toàn có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự.

[4] Đồng thời, bà T có yêu cầu ông D và bà N có nghĩa vụ liên đới trả lãi với mức lãi suất 1,5%/tháng đối với số tiền vay của 02 biên nhận 8.106.000.000 đồng tính từ ngày 16/01/2023 cho đến ngày xét xử lấy tròn 06 tháng. Xét, căn cứ theo 02 biên nhận ngày 10/01/2023 và ngày 16/01/2023 và tại tòa phía bị đơn cũng thừa nhận khi vay hai bên có thỏa thuận lãi và đồng ý trả lãi mức lãi

1,5%/tháng theo yêu cầu bà T là hoàn toàn phù hợp với quy định. Do đó, số tiền lãi của số tiền vay 8.106.000.000 đồng x 06 tháng x 1,5%/tháng = 729.540.000 đồng (Bảy trăm hai mươi chín triệu năm trăm bốn mươi ngàn đồng) là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự.

[5] Ngoài ra, khi vay tiền ông Đinh D và bà Ngô Huỳnh H N có đưa bản chính 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà T giữ cụ thể giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành ĐĐ 394661, sổ vào sổ cấp giấy CS 11841 thửa đất số 266, tờ bản đồ số 15, diện tích 192,5m² tọa lạc tại ấp H, xã H, huyện C, tỉnh T do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 28/3/2022 cho ông Đinh D và bà Ngô Huỳnh H N đứng tên; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành CG 712373, sổ vào sổ cấp giấy CS 05577 thửa đất số 197, tờ bản đồ số 26, diện tích 775,0m² tọa lạc tại ấp M, xã M, huyện C, tỉnh T do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 25/01/2017 cho ông Đinh D đại diện hộ gia đình đứng tên; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành CG 712372, sổ vào sổ cấp giấy CS 05578 thửa đất số 05, tờ bản đồ số 25, diện tích 2.081,6m² tọa lạc tại ấp M, xã M, huyện C, tỉnh T do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 25/01/2017 cho ông Đinh D đứng tên. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án ông D và bà N không có đơn yêu cầu bà T trả lại, nhưng tại phiên tòa bà T cũng tự nguyện hoàn trả lại 03 bản chính giấy đất sau khi ông D và bà N trả xong nợ cho bà T, đây là sự tự nguyện của bà T nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6] Tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn không thỏa thuận về thời gian trả số tiền vay vốn và lãi. Cho nên, về phương thức trả, thời gian trả số tiền này do hai bên đương sự thỏa thuận với nhau khi đến giai đoạn thi hành án.

[7] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T căn cứ vào Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, buộc ông D và bà N phải chịu án phí đối với số tiền vay vốn và lãi là 8.835.540.000 đồng, nên số tiền án phí là 116.835.540 đồng (Một trăm mười sáu triệu tám trăm ba mươi lăm ngàn năm trăm bốn mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 166, 463, 466, 468, khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự; Điều 271, 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Diễm T.

Buộc ông Đinh D và bà Ngô Huỳnh H N có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Lê Thị Diễm T số tiền vay vốn 8.106.000.000 đồng và lãi 729.540.000 đồng. Tổng cộng, vốn và lãi 8.835.540.000 đồng (Tám tỷ tám trăm ba mươi lăm triệu năm trăm bốn mươi ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Lê Thị Diễm T trả lại bản chính 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đinh D và bà Ngô Huỳnh H N sau khi ông D và bà N trả xong số tiền vốn và lãi 8.835.540.000 đồng cho bà T cụ thể giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành ĐĐ 394661, số vào sổ cấp giấy CS 11841 thửa đất số 266, tờ bản đồ số 15, diện tích 192,5m² tọa lạc tại ấp Hòa P, xã H, huyện C, tỉnh T do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 28/3/2022 cho ông Đinh D và bà Ngô Huỳnh H N đứng tên; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành CG 712373, số vào sổ cấp giấy CS 05577 thửa đất số 197, tờ bản đồ số 26, diện tích 775,0m² tọa lạc tại ấp M, xã M, huyện C, tỉnh T do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 25/01/2017 cho ông Đinh D đại diện hộ gia đình đứng tên; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành CG 712372, số vào sổ cấp giấy CS 05578 thửa đất số 05, tờ bản đồ số 25, diện tích 2.081,6m² tọa lạc tại ấp M, xã M, huyện C, tỉnh T do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 25/01/2017 cho ông Đinh D đứng tên.

2. Về án phí: Buộc ông Đinh D và bà Ngô Huỳnh H N liên đới chịu 116.835.540 đồng (Một trăm mười sáu triệu tám trăm ba mươi lăm ngàn năm trăm bốn mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho bà Lê Thị Diễm T số tiền 58.000.000 đồng (Năm mươi tám triệu đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0011064 ngày 06/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Lê Thị Diễm T, ông Đinh D và bà Ngô Huỳnh H N được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cái Bè;
- Chi cục THADS H. Cái Bè;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Hồ Văn Khỏe